

4. Một số biện pháp chủ yếu:

Để thực hiện những nhiệm vụ nêu trên, những biện pháp lớn cần được triển khai trong năm là:

— Sắp xếp và tổ chức lại khối nghiên cứu KHKT để gắn công tác KHKT với sản xuất, để lực lượng KHKT phục vụ trực tiếp và có hiệu quả hơn cho sản xuất. Do vốn sự nghiệp nghiên cứu có nhiều hạn chế, việc gắn công tác nghiên cứu với cơ sở sản xuất tạo điều kiện sử dụng tiềm lực vốn phát triển sản xuất của xí nghiệp, sử dụng trang thiết bị sẵn có để nghiên cứu thử nghiệm và khi đạt kết quả, có thể nhanh chóng triển khai ở qui mô sản xuất ngay tại xí nghiệp đó.

— Tập trung bảo đảm kinh phí và các điều kiện kỹ thuật cần thiết cho những đề tài trọng điểm, có yêu cầu cấp thiết để đẩy nhanh tiến độ thực hiện trong năm 1989.

— Các kỹ thuật tiến bộ áp dụng vào sản xuất sẽ được tổ chức triển khai chặt chẽ, từ khâu làm luận chứng đề xác định rõ mục tiêu kinh tế — kỹ thuật đến các khâu cân đối các điều kiện để thực hiện và địa chỉ áp dụng TBKT.

— Bộ sẽ khẩn trương áp dụng các qui chế để khuyến khích việc đưa TBKT vào sản xuất. Ban hành kịp thời các quy định thưởng, phạt trong việc sáng tạo áp dụng các TBKT, chất lượng sản phẩm, bảo vệ và sử dụng tài nguyên.

— Tăng cường công tác thông tin KHKT, xây dựng cơ sở dữ liệu về cơ khí, luyện kim, tranh thủ sự hợp tác KHKT với các nước nhất là công tác chuyên gia công nghệ và ứng dụng các thành tựu KHKT của các nước. Đồng thời bằng hiệu quả của các hợp đồng nghiên cứu sản xuất của Viện, Bộ sẽ hỗ trợ trong điều kiện cho phép, để các viện tiến hành trang bị cơ sở vật chất cần thiết cho việc triển khai công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng TBKT và chế thử sản phẩm mới.

— Bộ sẽ cùng với Công đoàn ngành và các cơ quan có liên quan đề ra các biện pháp giải quyết và chăm lo đời sống cho những người làm công tác KHKT để họ yên tâm công tác và cống hiến. Bộ coi kế hoạch sản xuất của Viện là 1 bộ phận của kế hoạch sản xuất của Bộ để có sự quan tâm đầy đủ với các điều kiện, đảm bảo công ăn việc làm và giải quyết đời sống cho các cán bộ KHKT nghiên cứu, thiết kế.

Biên tập: Nghiêm Phú Ninh

Vài nét về hoạt động khoa học kỹ thuật của Tổng cục khí tượng thủy văn năm 1988 và phương hướng 1989-1990

ĐOÀN VĂN TƯỚC

Trong 2 năm 1989 — 1990, công tác KHKT của ngành KTTV tập trung vào triển khai các đề tài cấp ngành với trung tâm phục vụ 3 chương trình kinh tế lớn, hoàn thiện lập đặt và đưa vào sử dụng trang thiết bị mới nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả nghiên cứu, phục vụ của Ngành.

HOẠT động KHKT — KTTV năm 1988 đã được triển khai toàn diện và đạt kết quả khá. Đã triển khai 18 trong tổng số 19 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước. Tiến độ nghiên cứu được theo dõi hàng quý với những sản phẩm cụ thể. Tập tài liệu « Một số kết quả nghiên cứu khoa học » đã được công bố. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu khoa học đạt được chương trình tiến bộ KHKT 42-A đã xây dựng đề cương phục vụ quy hoạch sản xuất ở địa phương và áp dụng thử nghiệm ở Nghĩa Bình, Đồng Nai, Bình Trị Thiên, Hà Nam Ninh. Tám đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước được kết thúc và tổ chức đánh giá theo hai bước: Ở cơ sở và cấp Nhà nước. Sản phẩm đáng chú ý là 3 bộ số liệu và 3 bộ bản đồ tổng hợp (atlas) về khí tượng, thủy văn và hải văn.

Hai mươi ba đề tài nghiên cứu cấp Tổng cục tiếp tục thực hiện và kết thúc 9 đề tài trong năm 1988. Tổng cục đã ưu tiên cho các kỹ thuật tiến bộ và công nghệ nhập khẩu, trong đó phải kể đến hai trạm thu ảnh vệ tinh ở Hà Nội, Đà Nẵng và TP Hồ Chí Minh; Trung tâm thông tin và ra đa khí tượng. Nhờ các trạm thu ảnh vệ tinh địa hình số lượng ảnh thu được về bão tăng gấp 12 lần trước đây góp phần tăng độ chính xác của dự báo quỹ đạo và nơi đổ bộ của bão. Trung tâm thông tin được trang bị máy

tính diện tích sẽ góp phần tăng khối lượng thu thập và xử lý nhanh thông tin phục vụ dự báo. Rada khí tượng tại Hải Phòng với bán kính hoạt động 800 km nếu được sử dụng tốt sẽ góp phần nâng cao chất lượng dự báo khí tượng cho cảng Hải Phòng, vùng than Quảng Ninh và vùng đồng bằng sông Hồng.

Tiếp tục hoàn thiện 10 qui phạm ngành và trình duyệt 3 quy phạm khác. Việc thực hiện các quy phạm ở nhiều địa phương còn lúng lẻo, việc thanh tra quy phạm đạt kế hoạch nhưng ít có hiệu lực vì thiếu điều kiện vật chất - kỹ thuật để khắc phục sai sót. Trong công tác đo lường, nổi lên vấn đề thiếu dụng cụ đo và kiểm định không đạt chu kỳ.

Hai sản phẩm quan trọng của ngành do quá trình công nghệ tạo ra là số liệu điều tra cơ bản và dự báo KTTV. Chất lượng dự báo vẫn được giữ vững nhưng chất lượng và số lượng số liệu tiếp tục xuống cấp. Nguyên nhân là do đầu tư của Nhà nước ngày càng ít, cơ sở vật chất - kỹ thuật của 500 trạm khí tượng, thủy văn, hải văn và môi trường xuống cấp. Nhiệm vụ của công tác khoa học kỹ thuật của Tổng cục KTTV trong 2 năm 1989 - 1990 tập trung vào một số phương hướng và nhiệm vụ chủ yếu sau:

Tiếp tục thực hiện 11 đề tài tiên bộ KHKT cấp Nhà nước trong đó có 10 đề tài thuộc chương trình "Đánh giá tài nguyên và điều kiện KTTV phục vụ sản xuất, trọng tâm là sản xuất nông nghiệp (mã số 42.A)", chương trình sẽ kết thúc và đánh giá.

Tiếp tục thực hiện 14 đề tài cấp ngành và triển khai 26 đề tài mới theo hình thức hợp đồng, 50% số đề tài trên phục vụ trực tiếp cho 3 chương trình kinh tế lớn.

Về áp dụng kỹ thuật mới, sẽ tăng cường trang bị cho mạng lưới trạm khí tượng nông nghiệp trên cơ sở dự án UNDP, trong đó có việc tự động hóa quan trắc ở một số trạm trọng điểm. Lắp đặt và triển khai vận hành rada cao không ở Đà Nẵng và rada thời tiết ở Tam Kỳ (Quảng Nam - Đà Nẵng).

Về quản lý kỹ thuật, triển khai thêm việc biên soạn qui phạm quan trắc môi trường nước

và môi trường không khí, trình duyệt 10 quy phạm mới.

Duy trì việc sửa chữa, kiểm định định kỳ các máy đo giữ vững chất lượng số liệu và dự báo KTTV, đặc biệt là các hiện tượng KTTV nguy hiểm như bão, lụt, úng, hạn, giá rét, nước dâng do bão...

Phối hợp với Công đoàn và Đoàn TNCS Hồ Chí Minh thúc đẩy phong trào sáng kiến sáng chế, hướng vào tìm kiếm giải pháp kỹ thuật trong việc sửa chữa, phục hồi máy móc trong ngành, cải tiến phương án dự báo bão, lụt úng hạn, giá rét, cải tiến nghiệp vụ công tác đáp ứng yêu cầu về tổ chức, chính sách, lề lối làm việc...

Về đào tạo cán bộ khoa học, tiếp tục đào tạo nghiên cứu sinh ngắn hạn, đồng thời triển khai việc đào tạo nghiên cứu sinh dài hạn.

Công tác thông tin KHKT tiếp tục duy trì việc phục vụ các đề tài nghiên cứu khoa học và các vấn đề khác trên cơ sở tổng hợp tin, xây dựng kho tra cứu tin, phục vụ theo địa chỉ.

Tiếp tục chương trình hợp tác dài hạn với Liên Xô trên các lĩnh vực khí tượng nhiệt đới và bão, thủy văn, hải văn, khí tượng nông nghiệp và môi trường (nước và không khí). Tổ chức thám sát bãi lần thứ 4, thám sát biên Đông lần thứ 6. Triển khai dự án VIE/86/025 và tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho công tác khí tượng nông nghiệp. Theo hướng đó, sẽ có 7 đoàn ra và 4 đoàn vào. Tiếp tục hợp tác với Tổ chức khí tượng thế giới (WMO) và các tổ chức quốc tế khác như chương trình thủy văn quốc tế.

Đẩy mạnh việc xây dựng trụ sở Viện khí tượng thủy văn.

Đề đảm bảo thực hiện những nhiệm vụ của kế hoạch 2 năm 1989 - 1990, một trong những biện pháp hàng đầu là tăng cường công tác kế hoạch hóa, coi trọng yếu tố cân đối, thu hút nguồn vốn theo phương thức hợp đồng, đổi mới cơ chế quản lý, thực hiện các biện pháp khuyến khích công tác khoa học và kỹ thuật theo tinh thần của Quyết định số 134 - HĐBT ngày 31 tháng 8 năm 1987 của Hội đồng bộ trưởng.

Biên tập: Đỗ Thanh Thủy